***General Test Scenarios***

1. All mandatory fields should be validated and indicated by an asterisk (\*) symbol.

Tất cả các trường bắt buộc phải được xác thực và được biểu thị bằng biểu tượng dấu sao (\*).

2. Validation error messages should be displayed properly and in the correct position.

Thông báo lỗi xác thực phải được hiển thị đúng cách và ở đúng vị trí.

3. All error messages should be displayed in the same CSS style (For Example, using red color)

Tất cả các thông báo lỗi phải được hiển thị theo cùng một kiểu CSS (Ví dụ: sử dụng màu đỏ)  
4. General confirmation messages should be displayed using CSS style other than error message style (For Example, using green color)

Thông báo xác nhận chung phải được hiển thị bằng kiểu CSS khác với kiểu thông báo lỗi (Ví dụ: sử dụng màu xanh lá cây)

5. Tooltips text should be meaningful.

Văn bản của tooltips phải có ý nghĩa.

6. Drop-down fields should have the first entry as blank or text like “Select”.

Các trường drop-down phải có mục nhập đầu tiên là trống hoặc văn bản như “Select”.

7. ‘Delete functionality’ for any record on the page should ask for a confirmation.

'Chức năng xóa' cho bất kỳ bản ghi nào trên trang nên yêu cầu xác nhận.

8. Select/deselect all records option should be provided if page supports record add/delete/update functionality

Tùy chọn chọn / bỏ chọn tất cả bản ghi sẽ được cung cấp nếu trang hỗ trợ chức năng thêm / xóa / cập nhật bản ghi

9. Amount values should be displayed with the correct currency symbols.

Giá trị phải được hiển thị với các ký hiệu tiền tệ hợp lệ.

10. Default page sorting should be provided.

Sắp xếp trang mặc định nên có.

11. Reset button functionality should set default values for all fields.

Chức năng của nút Reset phải đặt giá trị mặc định cho tất cả các trường.

12. All numeric values should be formatted properly.

Tất cả các giá trị số phải được định dạng đúng.

13. Input fields should be checked for the max field value. Input values greater than the specified max limit should not be accepted or stored in the database.

Các trường đầu vào phải được kiểm tra giá trị trường tối đa. Giá trị đầu vào lớn hơn giới hạn tối đa đã chỉ định sẽ không được chấp nhận hoặc lưu trữ trong cơ sở dữ liệu.

14. Check all input fields for special characters.

Kiểm tra tất cả các trường đầu vào cho các ký tự đặc biệt.

15. Field labels should be standard e.g., the field accepting the user’s first name should be labeled properly as ‘First Name’.

Các nhãn của trường phải đúng tiêu chuẩn, ví dụ: trường chấp nhận tên của người dùng phải được gắn nhãn đúng là "First Name".

16. Check page sorting functionality after add/edit/delete operations on any record.

Kiểm tra chức năng sắp xếp trang sau các thao tác thêm / sửa / xóa trên bất kỳ bản ghi nào.

17. Check for timeout functionality. Timeout values should be configurable. Check application behavior after the operation timeout.

Kiểm tra chức năng timeout. Giá trị timeout phải được cấu hình. Kiểm tra hành vi của ứng dụng sau khi timeout.

18. Check the cookies used in the application.

Kiểm tra các cookie được sử dụng trong ứng dụng.

19. Check if the downloadable files are pointing to the correct file path.

Kiểm tra xem các tệp có thể tải xuống có đang trỏ đến đúng đường dẫn tệp hay không.

20. All resource keys should be configurable in config files or databases instead of hard coding.

Tất cả các khóa tài nguyên nên được cấu hình trong các tệp cấu hình hoặc cơ sở dữ liệu thay vì mã hóa cứng.

21. Standard conventions should be followed throughout for naming resource keys.

Các quy ước tiêu chuẩn cần được tuân thủ xuyên suốt để đặt tên cho các khóa tài nguyên.

22. Validate markups for all web pages (validate HTML and CSS for syntax errors) to make sure they are compliant with the standards.

Xác thực các đánh dấu cho tất cả các trang web (xác thực HTML và CSS cho các lỗi cú pháp) để đảm bảo chúng tuân thủ các tiêu chuẩn.

23. Application crashes or unavailable pages should be redirected to the error page.

Ứng dụng bị treo hoặc các trang không khả dụng nên được chuyển hướng đến trang lỗi.

24. Check the text on all pages for spelling and grammatical errors.

Kiểm tra văn bản trên tất cả các trang để tìm lỗi chính tả và ngữ pháp.

25. Check numeric input fields with character input values. A proper validation message should appear.

Kiểm tra các trường nhập số với giá trị đầu vào ký tự. Một thông báo xác thực thích hợp sẽ xuất hiện.

26. Check for negative numbers if allowed for numeric fields.

Kiểm tra các số âm nếu được phép đối với các trường số.

27. Check the number of fields with decimal number values.

Kiểm tra số trường có giá trị là số thập phân.

28. Check the functionality of buttons available on all pages.

Kiểm tra chức năng của các nút có sẵn trên tất cả các trang.

29. The user should not be able to submit a page twice by pressing the submit button in quick succession.

Người dùng sẽ không thể submit một trang hai lần bằng cách nhấn nút gửi liên tiếp.

30. Divide by zero errors should be handled for any calculations.

Lỗi chia cho 0 cần được xử lý cho bất kỳ phép tính nào.

31. Input data with the first and last position blank should be handled correctly.

Dữ liệu đầu vào có vị trí trống đầu tiên và cuối cùng cần được xử lý chính xác.

***GUI and Usability Test Scenarios***

1. All fields on the page (For Example, text box, radio options, drop-down lists) should be aligned properly.

Tất cả các trường trên trang (Ví dụ, hộp văn bản, tùy chọn radio, danh sách drop-down) phải được căn chỉnh đúng cách.

2. Numeric values should be justified correctly unless specified otherwise.

Các giá trị số phải được căn chỉnh một cách chính xác trừ khi có quy định khác.

3. Enough space should be provided between field labels, columns, rows, error messages, etc.

Cần cung cấp đủ không gian giữa các nhãn trường, cột, hàng, thông báo lỗi, v.v.

4. The scrollbar should be enabled only when necessary.

Thanh cuộn chỉ nên được bật khi cần thiết.

5. Font size, style, and color for headline, description text, labels, infield data, and grid info should be standard as specified in SRS.

Kích thước phông chữ, kiểu và màu sắc cho dòng tiêu đề, văn bản mô tả, nhãn, dữ liệu bên trong trường và thông tin bảng phải là tiêu chuẩn như được chỉ định trong SRS.

6. The description text box should be multi-lined.

Textbox của mô tả nên có nhiều dòng.

7. Disabled fields should be greyed out and users should not be able to set focus on these fields.

Các trường bị vô hiệu hóa phải chuyển sang màu xám và người dùng sẽ không thể focus vào các trường này.

8. Upon clicking on the input text field, the mouse arrow pointer should get changed to the cursor.

Khi nhấn vào trường văn bản đầu vào, mũi tên trỏ chuột sẽ được chuyển thành con trỏ.

9. The user should not be able to type in the drop-down select list.

Người dùng sẽ không thể nhập danh sách lựa chọn drop-down.

10. Information filled out by users should remain intact when there is an error message on the page submitted. The user should be able to submit the form again by correcting the errors.

Thông tin do người dùng điền phải còn nguyên vẹn khi có thông báo lỗi trên trang được gửi. Người dùng sẽ có thể gửi lại biểu mẫu bằng cách sửa lỗi.

11. Check if proper field labels are being used in error messages.

Kiểm tra xem các trường nhãn thích hợp có đang được sử dụng trong các thông báo lỗi hay không.

12. Drop-down field values should be displayed in defined sort order.

Giá trị trường drop-down phải được hiển thị theo thứ tự sắp xếp đã được xác định.

13. Tab and Shift+Tab order should work properly.

Thứ tự Tab và Shift + Tab sẽ hoạt động bình thường.

14. Default radio options should be pre-selected on the page load.

Các tùy chọn radio mặc định nên được chọn trước khi tải trang.

15. Field-specific and page-level help messages should be available.

Nên có sẵn các thông báo trợ giúp cấp độ trang và trường cụ thể.

16. Check if the correct fields are highlighted in case of errors.

Kiểm tra xem các trường chính xác có được làm nổi bật trong trường hợp có lỗi hay không.

17. Check if the drop-down list options are readable and not truncated due to field size limits.

Kiểm tra xem các tùy chọn danh sách thả xuống có thể đọc được và không bị cắt bớt do giới hạn kích thước trường.

18. All buttons on the page should be accessible with keyboard shortcuts and the user should be able to perform all operations using a keyboard.

Tất cả các nút trên trang phải có thể truy cập được bằng phím tắt và người dùng có thể thực hiện tất cả các thao tác bằng bàn phím.

19. Check all pages for broken images.

Kiểm tra tất cả các trang để tìm hình ảnh bị hỏng.

20. Check all pages for broken links.

Kiểm tra tất cả các trang với các liên kết bị hỏng.

21. All pages should have a title.

Tất cả các trang phải có tiêu đề.

22. Confirmation messages should be displayed before performing any updates or deleting operations.

Thông báo xác nhận sẽ được hiển thị trước khi thực hiện bất kỳ thao tác cập nhật hoặc xóa nào.

23. Hourglass should be displayed when the application is busy.

Biểu tượng đồng hồ cát sẽ được hiển thị khi ứng dụng đang bận.

24. Page text should be left-justified.

Văn bản trang nên được căn trái.

25. The user should be able to select only one radio option and any combination for checkboxes.

Người dùng chỉ có thể chọn một tùy chọn nút radio và bất kỳ kết hợp nào cho các checkbox.

***Test Scenarios for Result Grid***

1. The page loading symbol should be displayed when it’s taking longer than the default time to load the results page.

Biểu tượng tải trang nên được hiển thị khi tải trang kết quả mất nhiều thời gian hơn thời gian mặc định.

2. Check if all the search parameters are used to fetch data shown on the result grid.

Kiểm tra xem tất cả các tham số tìm kiếm có được sử dụng để tìm nạp dữ liệu được hiển thị trên lưới kết quả hay không.

3. The total number of results should be displayed in the result grid.

Tổng số kết quả sẽ được hiển thị trong lưới kết quả.

4. Search criteria used for searching should be displayed in the result grid.

Tiêu chí tìm kiếm được sử dụng để tìm kiếm phải được hiển thị trong lưới kết quả.

5. Result grid values should be sorted by the default column.

Các giá trị kết quả lưới nên được sắp xếp theo cột mặc định.

6. Sorted columns should be displayed with a sort icon.

Các cột đã sắp xếp nên được hiển thị bằng biểu tượng sắp xếp.

7. Result grids should include all the specified columns with the correct values.

Lưới kết quả nên bao gồm tất cả các cột được chỉ định với các giá trị chính xác.

8. Ascending and descending sorting functionality should work for columns supported by data sorting.

Chức năng sắp xếp tăng dần và giảm dần sẽ hoạt động đối với các cột được hỗ trợ bởi việc sắp xếp dữ liệu

9. Result grids should be displayed with proper column and row spacing.

Lưới kết quả phải được hiển thị với khoảng cách cột và hàng thích hợp.

10. Pagination should be enabled when there are more results than the default result count per page.

Phân trang nên được bật khi có nhiều kết quả hơn số lượng kết quả mặc định trên mỗi trang.

11. Check for Next, Previous, First and Last page pagination functionality.

Kiểm tra chức năng phân trang trang sau, trang trước, trang đầu và trang cuối.

12. Duplicate records should not be displayed in the results grid.

Các bản ghi trùng lặp không được hiển thị trong lưới kết quả.

13. Check if all the columns are visible and a horizontal scrollbar is enabled if necessary.

Kiểm tra xem tất cả các cột có hiển thị hay không và thanh cuộn ngang được bật nếu cần.

14. Check the data for dynamic columns (columns whose values are calculated dynamically based on the other column values).

Kiểm tra dữ liệu cho các cột động (các cột có giá trị được tính toán động dựa trên các giá trị của cột khác).

15. For result grids showing reports, check the ‘Totals’ row and verify the total for every column.

Đối với lưới kết quả hiển thị báo cáo, hãy kiểm tra hàng "Tổng cộng" và xác minh tổng số cho mọi cột.

16. For result grids showing reports, check the ‘Totals’ row data when pagination is enabled and the user gets navigated to the next page.

Đối với lưới kết quả hiển thị báo cáo, hãy kiểm tra dữ liệu hàng 'Tổng cộng' khi phân trang được bật và người dùng được điều hướng đến trang tiếp theo.

17. Check if proper symbols are used for displaying column values e.g. % symbol should be displayed for percentage calculation.

Kiểm tra xem các ký hiệu thích hợp được sử dụng để hiển thị các giá trị cột, ví dụ: Biểu tượng% sẽ được hiển thị để tính toán phần trăm.

18. Check result grid data to see if the date range is enabled.

Kiểm tra dữ liệu lưới kết quả để xem phạm vi ngày có được bật hay không

***Database Testing Test Scenarios***

1. Check if the correct data is getting saved in the database upon a successful page submit.

Kiểm tra xem dữ liệu đúng có được lưu trong cơ sở dữ liệu khi gửi trang thành công hay không.

2. Check values for columns that are not accepting null values.

Kiểm tra giá trị cho các cột không chấp nhận giá trị null.

3. Check for data integrity. Data should be stored in single or multiple tables based on the design.

Kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu. Dữ liệu nên được lưu trữ trong một hoặc nhiều bảng dựa trên thiết kế.

4. Index names should be given as per the standards e.g. IND\_<Tablename>\_<ColumnName>

Tên chỉ mục nên được để theo các tiêu chuẩn, ví dụ: IND\_ <Tên bảng> \_ <Tên cột>

5. Tables should have a primary key column.

Các bảng phải có một cột khóa chính.

6. Table columns should have description information available (except for audit columns like created date, created by, etc.)

Các cột trong bảng phải có sẵn thông tin mô tả (ngoại trừ các cột kiểm tra như ngày được tạo, được tạo bởi, v.v.)

7. For every database add/update operation logs should be added.

Đối với mỗi cơ sở dữ liệu, các log hoạt động thêm / cập nhật nên được thêm vào.

8. Required table indexes should be created.

Các chỉ mục bắt buộc của bảng nên được tạo.

9. Check if data is committed to the database only when the operation is successfully completed.

Kiểm tra xem dữ liệu có được cam kết với cơ sở dữ liệu chỉ khi hoạt động được hoàn thành thành công hay không.

10. Data should be rolled back in case of failed transactions.

Dữ liệu nên được khôi phục trong trường hợp giao dịch không thành công.

11. Database name should be given as per the application type i.e., test, UAT, sandbox, live (though this is not a standard it is helpful for database maintenance)

Tên cơ sở dữ liệu nên được đặt theo loại ứng dụng, tức là thử nghiệm, UAT, hộp cát, trực tiếp (mặc dù đây không phải là tiêu chuẩn, nó hữu ích cho việc bảo trì cơ sở dữ liệu)

12. Database logical names should be given according to the database name (again this is not standard but helpful for DB maintenance).

Các tên logic cơ sở dữ liệu nên được đặt theo tên cơ sở dữ liệu (một lần nữa đây không phải là tiêu chuẩn nhưng hữu ích cho việc bảo trì DB).

13. Stored procedures should not be named with a prefix “sp\_”

Các thủ tục đã lưu trữ không được đặt tên bằng tiền tố “sp\_”

14. Check if values for table audit columns (like created date, created by, updated, updated by, is deleted, deleted data, deleted by, etc.) are populated properly.

Kiểm tra xem các giá trị cho các cột kiểm tra bảng (như ngày tạo, tạo bởi, cập nhật, cập nhật, bị xóa, dữ liệu đã xóa, bị xóa bởi, v.v.) có được điền đúng cách hay không.

15. Check if input data is not truncated while saving. The field length shown to the user on the page and in the database schema should be the same.

Kiểm tra xem dữ liệu đầu vào có bị cắt bớt khi lưu hay không. Độ dài trường hiển thị cho người dùng trên trang và trong lược đồ cơ sở dữ liệu phải giống nhau.

16. Check numeric fields with minimum, maximum, and float values.

Kiểm tra các trường số với giá trị nhỏ nhất, lớn nhất và thực.

17. Check numeric fields with negative values (for both acceptance and non-acceptance).

Kiểm tra các trường số có giá trị âm (cho cả chấp nhận và không chấp nhận).

18. Check if the radio button and drop-down list options are saved correctly in the database.

Kiểm tra xem nút radio và các tùy chọn danh sách thả xuống có được lưu chính xác trong cơ sở dữ liệu hay không.

19. Check if the database fields are designed with the correct data type and data length.

Kiểm tra xem các trường cơ sở dữ liệu có được thiết kế với kiểu dữ liệu và độ dài dữ liệu chính xác hay không.

20. Check if all table constraints like Primary key, Foreign key, etc. are implemented correctly.

Kiểm tra xem tất cả các ràng buộc bảng như Khóa chính, Khóa ngoại, v.v. có được thực hiện đúng hay không.

21. Test stored procedures and triggers with sample input data.

Kiểm tra các thủ tục được lưu trữ và các trình kích hoạt với dữ liệu đầu vào mẫu.

22. Input field leading and trailing spaces should be truncated before committing data to the database.

Khoảng trống ở đầu và cuối của trường đầu vào nên được cắt bớt trước khi chuyển dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.

23. Null values should not be allowed for the Primary key column.

Giá trị rỗng không được phép sử dụng cho cột Khóa chính.

***Test Scenarios for Filter Criteria***

1. The user should be able to filter results using all parameters on the page.

Người dùng sẽ có thể lọc kết quả bằng cách sử dụng tất cả các tham số trên trang.

2. Refine search functionality should load the search page with all user-selected search parameters.

Tinh chỉnh chức năng tìm kiếm sẽ tải trang tìm kiếm với tất cả các thông số tìm kiếm do người dùng chọn.

3. When there are at least one filter criteria required to perform the search operation, then make sure that the proper error message is displayed when the user submits the page without selecting any filter criteria.

Khi cần tối thiểu một tiêu chí lọc để thực hiện thao tác tìm kiếm, hãy đảm bảo rằng thông báo lỗi thích hợp được hiển thị khi người dùng gửi trang mà không chọn bất kỳ tiêu chí lọc nào.

4. When at least one filter criteria selection is not compulsory, the user should be able to submit the page and the default search criteria should be used to query results.

Khi không bắt buộc phải lựa chọn ít nhất một tiêu chí bộ lọc, người dùng sẽ có thể tìm kiếm và tiêu chí tìm kiếm mặc định nên được sử dụng để truy vấn kết quả.

5. Proper validation messages should be displayed for all invalid values for filter criteria.

Thông báo xác thực thích hợp sẽ được hiển thị cho tất cả các giá trị không hợp lệ cho các tiêu chí lọc.

***Test Scenarios for a Window***

1. Check if the default window size is correct.

Kiểm tra xem kích thước cửa sổ mặc định có chính xác không.

2. Check if the child window size is correct.

Kiểm tra xem kích thước cửa sổ con có chính xác không.

3. Check if there is any field on the page with default focus (in general, the focus should be set on the first input field of the screen).

Kiểm tra xem có bất kỳ trường nào trên trang có tiêu điểm mặc định hay không (nói chung, tiêu điểm nên được đặt trên trường nhập đầu tiên của màn hình).

4. Check if child windows are getting closed upon closing the parent/opener window.

Kiểm tra xem các cửa sổ con có bị đóng khi đóng cửa sổ cha / mở hay không.

5. If the child window is opened, the user should not be able to use or update any field in the background or parent window

Nếu cửa sổ con được mở, người dùng sẽ không thể sử dụng hoặc cập nhật bất kỳ trường nào trong nền hoặc cửa sổ mẹ

6. Check the window to minimize, maximize, and close functionality.

Kiểm tra cửa sổ để thu nhỏ, phóng to và đóng chức năng.

7. Check if the window is re-sizable.

Kiểm tra xem cửa sổ có kích thước lại không.

8. Check the scroll bar functionality for parent and child windows.

Kiểm tra chức năng thanh cuộn cho cửa sổ cha và con.

9. Check the cancel button functionality for the child window.

Kiểm tra chức năng nút hủy cho cửa sổ con.

***Test Scenarios for Image Upload Functionality***

1. Check for the uploaded image path.

Kiểm tra đường dẫn hình ảnh đã tải lên.

2. Check image upload and change functionality.

Kiểm tra chức năng tải lên và thay đổi hình ảnh.

3. Check image upload functionality with image files of different extensions (For Example, JPEG, PNG, BMP, etc.)

Kiểm tra chức năng tải lên hình ảnh với các tệp hình ảnh của các phần mở rộng khác nhau (Ví dụ: JPEG, PNG, BMP, v.v.)

4. Check image upload functionality with images that have space or any other allowed special character in the file name.

Kiểm tra chức năng tải lên hình ảnh với hình ảnh có dung lượng hoặc bất kỳ ký tự đặc biệt được phép nào khác trong tên tệp.

5. Check for duplicate name image upload.

Kiểm tra tải lên hình ảnh tên trùng lặp.

6. Check the image upload with an image size greater than the max allowed size. Proper error messages should be displayed.

Kiểm tra hình ảnh tải lên với kích thước hình ảnh lớn hơn kích thước tối đa cho phép. Thông báo lỗi thích hợp sẽ được hiển thị.

7. Check image upload functionality with file types other than images (For Example, txt, doc, pdf, exe, etc.). A proper error message should be displayed.

Kiểm tra chức năng tải lên hình ảnh với các loại tệp khác ngoài hình ảnh (Ví dụ: txt, doc, pdf, exe, v.v.). Một thông báo lỗi thích hợp sẽ được hiển thị.

8. Check if images of specified height and width (if defined) are accepted or otherwise rejected.

Kiểm tra xem hình ảnh có chiều cao và chiều rộng được chỉ định (nếu được xác định) có được chấp nhận hay bị từ chối hay không.

9. The image upload progress bar should appear for large size images.

Thanh tiến trình tải lên hình ảnh sẽ xuất hiện cho các hình ảnh có kích thước lớn.

10. Check if the cancel button functionality is working in between the upload process.

Kiểm tra xem chức năng nút hủy có hoạt động giữa quá trình tải lên hay không.

11. Check if the file selection dialog only shows the supported files listed.

Kiểm tra xem hộp thoại chọn tệp có chỉ hiển thị các tệp được hỗ trợ được liệt kê hay không.

12. Check the multiple images upload functionality.

Kiểm tra chức năng tải lên nhiều hình ảnh.

13. Check image quality after upload. Image quality should not be changed after upload.

Kiểm tra chất lượng hình ảnh sau khi tải lên. Không nên thay đổi chất lượng hình ảnh sau khi tải lên.

14. Check if the user is able to use/view the uploaded images.

Kiểm tra xem người dùng có thể sử dụng / xem các hình ảnh đã tải lên hay không.

***Test Scenarios for Sending Emails***

1. The email template should use standard CSS for all emails.

Mẫu email nên sử dụng CSS tiêu chuẩn cho tất cả các email.

2. Email addresses should be validated before sending emails.

Địa chỉ email phải được xác thực trước khi gửi email.

3. Special characters in the email body template should be handled properly.

Các ký tự đặc biệt trong mẫu nội dung email phải được xử lý đúng cách.

4. Language-specific characters (For Example, Russian, Chinese or German language characters) should be handled properly in the email body template.

Các ký tự dành riêng cho ngôn ngữ (Ví dụ: các ký tự tiếng Nga, tiếng Trung hoặc tiếng Đức) nên được xử lý đúng cách trong mẫu nội dung email.

5. The email subject should not be blank.

Chủ đề email không được để trống.

6. Placeholder fields used in the email template should be replaced with actual values e.g. {Firstname} {Lastname} should be replaced with an individual’s first and last name properly for all recipients.

Các trường giữ chỗ được sử dụng trong mẫu email nên được thay thế bằng các giá trị thực tế, ví dụ: {Firstname} {Lastname} nên được thay thế bằng họ và tên của một cá nhân đúng cách cho tất cả người nhận.

7. If reports with dynamic values are included in the email body, report data should be calculated correctly.

Nếu các báo cáo có giá trị động được bao gồm trong nội dung email, dữ liệu báo cáo phải được tính toán chính xác.

8. The email sender’s name should not be blank.

Tên người gửi email không được để trống.

9. Emails should be checked by different email clients like Outlook, Gmail, Hotmail, Yahoo! mail, etc.

Email nên được kiểm tra bởi các ứng dụng email khác nhau như Outlook, Gmail, Hotmail, Yahoo! mail, v.v.

10. Check to send email functionality using TO, CC and BCC fields.

Kiểm tra để gửi chức năng email bằng các trường TO, CC và BCC.

11. Check plain text emails.

Kiểm tra email văn bản thuần túy.

12. Check HTML format emails.

Kiểm tra email định dạng HTML.

13. Check the email header and footer for the company logo, privacy policy, and other links.

Kiểm tra đầu trang email và chân trang để tìm logo công ty, chính sách bảo mật và các liên kết khác.

14. Check emails with attachments.

Kiểm tra email có tệp đính kèm.

15. Check to send email functionality to single, multiple or distribution list recipients.

Kiểm tra để gửi chức năng email đến những người nhận danh sách đơn lẻ, nhiều hoặc phân phối.

16. Check if the reply to the email address is correct.

Kiểm tra xem câu trả lời cho địa chỉ email có chính xác không.

17. Check to send the high volume of emails.

Kiểm tra để gửi khối lượng lớn email.

***Test Scenarios for Excel Export Functionality***

1. The file should get exported with the proper file extension.

Tệp sẽ được xuất với phần mở rộng tệp thích hợp.

2. The file name for the exported Excel file should be as per the standards, For Example, if the file name is using the timestamp, it should get replaced properly with an actual timestamp at the time of exporting the file.

Tên tệp cho tệp Excel đã xuất phải theo tiêu chuẩn, Ví dụ: nếu tên tệp đang sử dụng dấu thời gian, nó sẽ được thay thế đúng cách bằng dấu thời gian thực tế tại thời điểm xuất tệp.

3. Check for date format if the exported Excel file contains the date columns.

Kiểm tra định dạng ngày nếu tệp Excel đã xuất có chứa các cột ngày.

4. Check the number formatting for numeric or currency values. Formatting should be the same as shown on the page.

Kiểm tra định dạng số cho các giá trị số hoặc tiền tệ. Định dạng phải giống như được hiển thị trên trang.

5. The exported file should have columns with proper column names.

Tệp được xuất phải có các cột có tên cột thích hợp.

6. Default page sorting should be carried out in the exported file as well.

Sắp xếp trang mặc định cũng nên được thực hiện trong tệp đã xuất.

7. Excel file data should be formatted properly with header and footer text, date, page numbers, etc. values for all pages.

Dữ liệu tệp Excel phải được định dạng đúng với văn bản đầu trang và chân trang, ngày tháng, số trang, v.v. các giá trị cho tất cả các trang.

8. Check if the data displayed on the page and exported Excel file is the same.

Kiểm tra xem dữ liệu hiển thị trên trang và tệp Excel đã xuất có giống nhau không.

9. Check export functionality when pagination is enabled.

Kiểm tra chức năng xuất khi tính năng phân trang được bật.

10. Check if the export button is showing the proper icon according to the exported file type, For Example, Excel file icon for xls files

Kiểm tra chức năng xuất khi tính năng phân trang được bật.

11. Check export functionality for files with very large size.

Kiểm tra chức năng xuất cho các tệp có kích thước rất lớn.

12. Check export functionality for pages containing special characters. Check if these special characters are exported properly in the Excel file.

Kiểm tra chức năng xuất cho các trang có chứa các ký tự đặc biệt. Kiểm tra xem các ký tự đặc biệt này có được xuất đúng cách trong tệp Excel hay không.

Performance Testing Test Scenarios

1. Check if the page load time is within the acceptable range.

Kiểm tra xem thời gian tải trang có nằm trong phạm vi chấp nhận được hay không.

2. Check if the page loads on slow connections.

Kiểm tra xem trang có tải trên các kết nối chậm hay không.

3. Check the response time for any action under light, normal, moderate, and heavy load conditions.

Kiểm tra thời gian đáp ứng cho bất kỳ hành động nào trong điều kiện tải nhẹ, bình thường, trung bình và nặng.

4. Check the performance of database stored procedures and triggers.

Kiểm tra hiệu suất của các quy trình và trình kích hoạt được lưu trữ cơ sở dữ liệu.

5. Check the database query execution time.

Kiểm tra thời gian thực hiện truy vấn cơ sở dữ liệu.

6. Check for load testing of the application.

Kiểm tra thử nghiệm tải của ứng dụng.

7. Check for Stress testing of the application.

Kiểm tra kiểm tra căng thẳng của ứng dụng.

8. Check CPU and memory usage under peak load conditions.

Kiểm tra việc sử dụng CPU và bộ nhớ trong điều kiện tải cao điểm.

***Security Testing Test Scenarios***

1. Check for SQL injection attacks.

Kiểm tra các cuộc tấn công SQL injection.

2. Secure pages should use the HTTPS protocol.

Các trang bảo mật nên sử dụng giao thức HTTPS.

3. Page crash should not reveal application or server info. The error page should be displayed for this.

Sự cố trang không được tiết lộ thông tin ứng dụng hoặc máy chủ. Trang lỗi sẽ được hiển thị cho việc này.

4. Escape special characters in the input.

Thoát các ký tự đặc biệt trong đầu vào.

5. Error messages should not reveal any sensitive information.

Thông báo lỗi không được tiết lộ bất kỳ thông tin nhạy cảm nào.

6. All credentials should be transferred over to an encrypted channel.

Tất cả thông tin đăng nhập phải được chuyển sang một kênh được mã hóa.

7. Test password security and password policy enforcement.

Kiểm tra bảo mật mật khẩu và thực thi chính sách mật khẩu.

8. Check the application logout functionality.

Kiểm tra chức năng đăng xuất ứng dụng.

9. Check for Brute Force Attacks.

Kiểm tra các cuộc tấn công Brute Force.

10. Cookie information should be stored in encrypted format only.

Thông tin cookie chỉ nên được lưu trữ ở định dạng được mã hóa.

11. Check session cookie duration and session termination after timeout or logout.

Kiểm tra thời lượng cookie phiên và chấm dứt phiên sau khi hết thời gian chờ hoặc đăng xuất.

12. Session tokens should be transmitted over a secured channel.

Mã thông báo phiên nên được truyền qua một kênh bảo mật.

13. The password should not be stored in cookies.

Mã thông báo phiên nên được truyền qua một kênh bảo mật.

14. Test for Denial of Service attacks.

Kiểm tra các cuộc tấn công Từ chối dịch vụ.

15. Test for memory leakage.

Kiểm tra rò rỉ bộ nhớ.

16. Test unauthorized application access by manipulating variable values in the browser address bar.

Kiểm tra truy cập ứng dụng trái phép bằng cách thao tác các giá trị biến trong thanh địa chỉ trình duyệt.

17. Test file extension handling so that exe files are not uploaded or executed on the server.

Kiểm tra xử lý phần mở rộng tệp để các tệp exe không được tải lên hoặc thực thi trên máy chủ.

18. Sensitive fields like passwords and credit card information should not have to be autocomplete enabled.

Các trường nhạy cảm như mật khẩu và thông tin thẻ tín dụng không cần phải được bật tự động hoàn thành.

19. File upload functionality should use file type restrictions and also anti-virus for scanning uploaded files.

Chức năng tải lên tệp nên sử dụng các hạn chế về loại tệp và cũng có thể chống vi-rút để quét các tệp đã tải lên.

20. Check if directory listing is prohibited.

Kiểm tra xem danh sách thư mục có bị cấm hay không.

21. Passwords and other sensitive fields should be masked while typing.

Mật khẩu và các trường nhạy cảm khác nên được che giấu trong khi gõ.

22. Check if forgot password functionality is secured with features like temporary password expiry after specified hours and security questions are asked before changing or requesting a new password.

Kiểm tra xem chức năng quên mật khẩu có được bảo mật bằng các tính năng như hết hạn mật khẩu tạm thời sau những giờ được chỉ định và các câu hỏi bảo mật được hỏi trước khi thay đổi hoặc yêu cầu mật khẩu mới hay không.

23. Verify CAPTCHA functionality.

Xác minh chức năng CAPTCHA

24. Check if important events are logged in log files.

Kiểm tra xem các sự kiện quan trọng có được ghi lại trong tệp nhật ký hay không.

25. Check if access privileges are implemented correctly.

Kiểm tra xem các đặc quyền truy cập có được thực hiện chính xác hay không.